TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2539/2022/DSST
Ngày: 27/12/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hồ Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2142/2018/TLST – DS ngày 12/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 0187/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 594/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn N N

Địa chỉ: 13 Nguyễn Văn Lạc, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị D

Địa chỉ: 199 Bạch Đằng, Phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T

Địa chỉ: 139/11 Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị S

Địa chỉ: 13 Nguyễn Văn Lạc, Phường 21, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Phúc H

Địa chỉ: 199 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

(*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị D trình bày:

Ngày 12/9/2017, ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T có vay của bà Nguyễn N N số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng với thời hạn vay là 1 năm, lãi suất: 1%/tháng, theo hợp đồng vay tiền ký kết tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký kết hợp đồng ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T đã nhận đủ số tiền trên, tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn vay ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T chưa trả tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn N N mặc dù bà Nghĩa đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Nguyễn N N yêu cầu ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T trả lại số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên các buổi làm việc tại Tòa án bị đơn ông Trần Anh T vắng mặt, bà Nguyễn Thị Phương T có mặt đã thừa nhận còn nợ bà Nguyễn N N số tiền là 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Được biết hiện nay ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T làm ăn gặp nhiều khó khăn nên bà Nguyễn N N chỉ yêu cầu cầu ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T trả lại số tiền 375.000.000 đồng tiền gốc (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu ông T và bà T trả lãi theo hợp đồng.

Ngoài ra không có ý kiến trình bày nào khác

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương T thừa nhận vào ngày 12/9/2017 vợ chồng ông bà là (ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T) có ký hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn N N số tiền 400.000.000 đồng, hợp đồng ký kết tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, sau nhiều lần trả gốc và lãi cho bà Nguyễn N N thông qua người khác (các lần trả nợ gốc và lãi không làm hóa đơn, chứng từ). Nay bà Nguyễn Thị Phương T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn N N số tiền gốc 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Do hiện nay ông bà làm ăn gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên bà xin trả dần số tiến trên làm nhiều lần, mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 10/2019 cho đến khi hết nợ. Ngoài ra bà không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S: Đại diện theo ủy quyền ông Phan Phúc H trình bày:

Bà Võ Thị S xác nhận ngày 12/09/2017, bà Nguyễn N N có cho vợ chồng ông Trần Anh T và Nguyễn Thị Phương T vay số tiền 400.000.000 đồng thông qua hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh. Sau khi ký hợp đồng vay thì bà Nguyễn N N giao tiền cho bà Võ Thị S nhờ bà S trực tiếp giao tiền vay cho ông T và bà T. Nay bà Nguyễn N N khởi kiện ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T đòi lại số tiền nêu trên thì bà xác định không liên quan đến số tiền vay này, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn về thông báo thụ lý vụ án, tham gia

các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trần Anh T đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác để Tòa án giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ.

- Về nội D vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn N N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T có địa chỉ cư trú tại 139/11 Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

1.2 Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền (số công chứng 19182, quyển 09/TPCC-SCC/HĐGD) do Văn phòng công chứng Bình Thạnh lập ngày 12/9/2017 giữa bên cho vay là bà Nguyễn N N và bên vay là ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T. Xét đây là quan hệ giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.3 Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc Toà án xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội D vụ án:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền (số công chứng 19182, quyển 09/TPCC-SCC/HĐGD) do Văn phòng công chứng Bình Thạnh lập ngày 12/9/2017 giữa bên cho vay là bà Nguyễn N N và bên vay là ông Trần Anh T và và Nguyễn Thị Phương T thể hiện bà Nghĩa cho vợ chồng ông T và bà T vay số tiền 400.000.000 đồng thời hạn vay là 01 năm với lãi suất 1%/ tháng.

Xét đây là giao dịch dân sự được các bên xác lập một cách tự nguyện, thể hiện dưới hình thức Hợp đồng vay có thời hạn, nội D hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là Hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau Hợp đồng vay tiền giữa các bên được ký kết, bà Nguyễn N N đã giao 400.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà T thông qua bà Võ Thị S. Nay nhận thấy vợ chồng ông T và bà T gặp nhiều khó khăn nên chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 375.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn N N 400.000.000 đồng, sau khi trả lãi nhiều lần thông qua người khác, hiện vợ chồng bà còn nợ bà Nguyễn N N số tiền 375.000.000 đồng được thể hiện tại các bản tự khai ngày 04/01/2019, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 30/9/2019, biên bản ghi nhận sự vắng mặt ngày 15/10/2019, do hiện nay vợ chồng bà làm ăn gặp nhiều khó khăn nên đề nghị được trả dần số tiền nêu trên làm nhiều lần, mỗi lần 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với bị đơn là ông Trần Anh T trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi cũng như không đưa ra bất cứ tài liệu chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử không có căn cứ bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông Trần Anh T.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, những tình tiết, sự kiện sau đây thì không phải chứng minh: " … *Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ tính khách quan của những tình tiết, sự kiện này hoặc tính*

khách quan của văn bản công chứng, chứng thực thì Thẩm phán có thể yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức công chứng, chứng thực xuất trình bản gốc, bản chính.

Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trong các buổi làm việc tại Tòa đã thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà Nguyễn N N số tiền 375.000.000 đồng, do hiện nay vợ chồng bà làm ăn gặp nhiều khó khăn nên đề nghị được trả dần số tiền nêu trên làm nhiều lần, mỗi lần 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy, đây là tình tiết được đương sự thừa nhận nên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận định có tồn tại giao dịch giữa nguyên đơn bà Nguyễn N N và bị đơn là ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T theo hợp đồng vay tiền do Văn phòng công chứng Bình Thạnh lập ngày 12/9/2017. Các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội D và hình thức giao dịch không trái quy định của pháp luật nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng thỏa thuận đã giao kết. Đã quá thời hạn 01 năm tính từ ngày ký hợp đồng vay (ngày 12/9/2017) phía bị đơn là ông Trần Anh T và Nguyễn Thị Phương T chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 375.000.000 đồng đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền trên là có căn cứ được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn là ông Trần Anh T và Nguyễn Thị Phương T phải trả lãi trên số nợ nêu trên cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 và khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014Tuyên xử:

1. Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn N N.

Buộc ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho bà Nguyễn N N số tiền 375.000.000 (ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn là ông Trần Anh T và Nguyễn Thị Phương T không phải trả lãi trên số tiền nợ nêu trên cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Anh T và Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.750.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn N N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.800.000 (Mười triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005869 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND quận Bình Thạnh (2);
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Hồ sơ;
- Lưu: VP.

Nguyễn Xuân Thức